TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2022/DS-PT
Ngày: 07 - 4 – 2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng giao khoán".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Kim Khánh

Các thẩm phán: Ông Y Phi Kbuôr và ông Nguyễn Duy Thuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 301/2021/TLPT-DS ngày 23/12/2021 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng giao khoán"*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 419/2021/DSST ngày 17/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐ-PT ngày 23/02/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 55 ngày 23/3/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty C.

Địa chỉ: Km 17, quốc lộ A, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Hoàng P, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Đình B, sinh năm 1957. (Có mặt)

Địa chỉ: 1 Trần Nhật Duật, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Đặng Xuân D, sinh năm 1971. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn 2, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Đình B trình bày:***

Vào ngày 27/8/2011 ông Đặng Xuân D có ký 02 hợp đồng về việc khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên với Công ty T (Nay là Công ty C) để nhận chăm sóc vườn cà phê với nội dung cụ thể như sau:

- Hợp đồng thứ nhất số 1120/2011: Đối với diện tích đất cà phê này thì trước đó vào năm 1998 ông Đặng Xuân D đã ký hợp đồng hợp tác đầu tư sản xuất cà phê và phân chia sản phẩm với Công ty T. Sau đó, vào ngày 27/8/2011 ông Đặng Xuân D và Công ty T ký hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê số 1120/2011: Diện tích cà phê giao khoán 9800m^2, diện tích bờ lô 1423m^2, tại thửa đất số 46 tờ bản đồ số 06 thuộc đội 26-3, loại cà phê vối, nguyên giá vườn cây là 48.378.755đ, giá trị còn lại là 28.858.096đ (Phần giá trị vườn cây trên đất công ty góp vốn 51%, chủ hộ nhận khoán góp vốn 49%), thời hạn giao khoán là 06 năm từ niên vụ cà phê năm 2011-2012 đến hết niên vụ cà phê 2016-2017, sau đó hợp đồng được gia hạn tiếp 05 năm. Với định mức giao nộp sản phẩm hàng năm về Công ty như sau:

+ Niên vụ thu hoạch từ 2011-2012 đến 2013-2014 là: 2.787 kg/niên vụ.

+ Niên vụ thu hoạch từ 2014-2015 đến 2016-2017 là: 2.452 kg/niên vụ.

+ Niên vụ thu hoạch từ 2017-2018 đến 2022-2023 là: 2.341 kg/niên vụ.

Ngoài ra, ông D còn được giao 120 cây muồng đen, mục đích làm cây chắn gió và che bóng cho cây cà phê theo quy trình kỹ thuật.

- Hợp đồng thứ hai số 1166/2011/HĐ-GK: Diện tích cà phê giao khoán 5000m^2, diện tích bờ lô 726m^2, tại thửa đất số 5b tờ bản đồ số 06, thuộc đội 26-3, loại cà phê vối, nguyên giá vườn cây là 20.093.299đ, giá trị còn lại là 10.996.730đ (Trong đó phần giá trị vườn cây công ty góp vốn 51% hộ gia đình nhận khoán 49%), thời hạn giao khoán là 10 năm. Với định mức giao nộp sản phẩm hàng năm về Công ty như sau:

+ Niên vụ thu hoạch từ 2011-2012 đến 2014-2015 là: 1.593 kg/niên vụ.

+ Niên vụ thu hoạch từ 2015 -2016 đến 2017-2018 là: 1.422 kg/niên vụ.

+ Niên vụ thu hoạch từ 2018-2019 đến 2020-2021 là: 1.251 kg/niên vụ.

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai Công ty C khai đã giao cho hộ ông D 90 cây muồng đen. Tuy nhiên, theo bảng kê chi tiết đề nghị thẩm định vườn cây và tại phiên tòa, Công ty C khẳng định đã giao cho hộ ông D 64 cây muồng đen, mục đích làm cây chắn gió và che bóng cho cây cà phê theo quy trình kỹ thuật.

Từ khi nhận khoán hai hợp đồng nêu trên đến niên vụ thu hoạch 2017-2018 ông D đều thực hiện tốt các điều khoản trong hợp đồng mà hai bên đã ký kết.

Tuy nhiên, 02 niên vụ thu hoạch (2018-2019, 2019-2020) ông D không nộp sản phẩm cho Công ty, mặc dù Công ty đã nhiều lần đôn đốc nhắc nhở, nhưng ông D vẫn cố tình không nộp sản phẩm, đến nay ông D còn nợ Công ty C: 7.184 kg cà phê quả tươi. Ngoài việc không nộp sản phẩm 02 năm liền, trong năm 2019 và đầu năm 2020 ông D còn tự ý cắt ngọn 117 cây muồng đen để che bóng và chắn gió cho cây cà phê, gây thiệt hại cho Công ty 36,8m^3 gỗ, 35ste củi .Việc cắt ngọn cây muồng đen ảnh hưởng rất lớn đến năng xuất vườn cây cà phê cũng như

sinh trưởng và phát triển của cây muồng đen. Hơn nữa ông D còn nợ tiền thuế sử dụng đất nhiều năm liền (phần góp vốn 49%).

Việc làm của ông Đặng Xuân D đã vi phạm nghiêm trọng Hợp Đồng giao khoán đã ký kết với Công ty T (Nay là Công ty C), xâm phạm trực tiếp đến quyền lợi chính đáng và tài sản của Công ty. Vì vậy, Công ty C đã nộp đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Đặng Xuân D phải trả cho Công ty C 7.184kg quả cà phê tươi (trong 2 niên vụ thu hoạch 2018-2019, 2019-2020).

- Buộc ông Đặng Xuân D chấm dứt Hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên số 1120/2011/HĐ-KG và Hợp đồng số 1166/2011/HĐ-GK ngày 27/8/2011; trả lại nguyên trạng 02 vườn cà phê đã nhận khoán theo Hợp đồng (Diện tích cà phê 14.800m^2, diện tích bờ lô 2.149m^2).

- Buộc ông Đặng Xuân D phải bồi thường cho Công ty C toàn bộ thiệt hại do hành vi chặt phá cây muồng chắn gió và che bóng cho cây cà phê, với giá tạm tính là: 36,8m^3 x 4.430.000đ tương đương 163.000.000đ (theo quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 30/01/2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đã trừ tiền khai thác và vận chuyển ra bãi giao).

- Buộc ông Đặng Xuân D phải nộp tiền thuê đất theo quy định (phần vốn góp 49%) về Công ty để Công ty nộp cho Cục Thuế tỉnh Đắk Lắk theo quy định của luật đất đai, cụ thể:

+ Truy thu tiền thuê đất năm 2006-2010 số tiền: 573.059đ, theo hợp đồng số 1120/2011/HĐ-KG ngày 27/8/2011;

+ Truy thu tiền thuê đất năm 2015, 2016, 2017 số tiền: 3.548.993đ, theo hợp đồng số 1120/2011/HĐ-KG và Hợp đồng số 1166/2011/HĐ-GK ngày 27/8/2011;

+ Tiền thuê đất năm 2018, 2019 số tiền: 2.965.879đ, theo hợp đồng số 1120/2011/HĐ-KG và Hợp đồng số 1166/2011/HĐ-GK ngày 27/8/2011.

Tổng cộng: 7.087.931đ (Bảy triệu không trăm tám mươi bảy ngàn chín trăm ba mươi mốt đồng).

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền là *88.351.640 đồng, là tiền bồi thường cây muồng*. Còn lại buộc ông Đặng Xuân D bồi thường cho Công ty C thiệt hại do hành vi chặt phá cây muồng chắn gió và che bóng cho cây cà phê là: 74.648.360 đồng.

Ngày 22/7/2021, bị đơn có nộp đơn phản tố đối với nguyên đơn Công ty C đề nghị Công ty C phải trả cho bị đơn tổng số tiền là 60.064.000 đồng. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, nguyên đơn Công ty C không đồng ý.

**** Quá trình giải quyết vụ án, và tại phiên tòa bị đơn Đặng Xuân D trình bày:***

Tôi thống nhất với lời trình bày của Công ty C về 02 hợp đồng giao khoán tôi đã ký kết với Công ty là đúng.

Từ khi nhận khoán vườn cây cà phê đến nay tôi vẫn đang canh tác bình thường trên đất, bản thân tôi đã thực hiện nghĩa vụ chăm sóc vườn cây theo đúng quy định của Công ty C.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty C, ý kiến của tôi như sau:

- Đối với yêu cầu buộc tôi phải trả cho Công ty C 7.184kg quả cà phê tươi (trong 2 niên vụ thu hoạch 2018-2019, 2019-2020) thì: Từ khi nhận khoán vườn cây cà phê đến niên vụ năm 2018-2019 tôi đã thực hiện nghĩa vụ chăm sóc vườn cây theo đúng quy định của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp sản phẩm theo 02 Hợp đồng giao khoán vườn cây đã ký kết với Công ty. Theo nộp dung 02 hợp đồng giao khoán hai bên đã ký kết thì niên vụ năm 2018-2019, 2019-2020 tôi phải nộp cho Công ty tổng sản lượng 7.184kg quả cà phê tươi. Tuy nhiên, hiện nay tôi chưa nộp toàn bộ sản lượng 7.184kg quả cà phê tươi cho Công ty vì các lý do:

+ Do ảnh hưởng của thiên tai thời tiết thất thường, vào các thời điểm quan trọng để vườn cây ra hoa và đậu quả thì thời tiết đều bất lợi đó là kết thúc mùa mưa vào cuối tháng 12 năm 2017, tưới vườn cây vào giữa tháng 02/2018 đúng vào thời điểm vườn cây ra hoa thì mưa dẫn đến hoa thối. Mùa mưa năm 2018 từ tháng 6 đến tháng 8 mưa liên tục, mưa lớn và kéo dài tạo điều kiện cho nấm bệnh và sâu bệnh phát triển làm cho quả non rụng.

+ Toàn bộ chi phí đầu tư cho vườn cây như nhân công, phân bón, vật tư vượt quá lợi nhuận thu được từ vườn cây (có bảng thống kê chi phí kèm theo).

+ Bản thân tôi cũng như toàn bộ người lao động của Công ty trong các cuộc họp có ý kiến đề nghị xin được giảm sản lượng niên vụ năm 2018 và có đơn yêu cầu giảm định mức theo hợp đồng giao khoán đã ký kết nhưng không hề được Công ty hồi đáp vào thời điểm đó. Chi phí bỏ ra chăm sóc cho vườn cây nhiều hơn lợi nhuận thu được do vườn cây mang lại và không đủ để đảm bảo cuộc sống cho bản thân tôi cũng như gia đình, toàn bộ chi phí chăm sóc, đầu tư vào vườn cây đều do người lao động nhận khoán bỏ ra 100% (Giá trị vườn cây cà phê nhận khoán tôi đã mua 49%, Công ty là 51%).

+ Niên vụ 2019-2020 tôi chưa đóng sản lượng cho Công ty là do tại buổi đối thoại ở Công ty C, ông Nguyễn Tuấn H, Phó chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk có nói đề nghị Công ty làm lại bản khoán cho phù hợp với điều kiện thực tế nhưng Công ty không đưa ra bản khoán mới nên tôi không biết như thế nào để nộp sản lượng.

+ Đối với hợp đồng giao khoán số 1120/2011/HĐ-KG, tôi ký kết thời hạn 06 năm, sau đó gia hạn thêm 05 năm nhưng Công ty không ký kết phụ lục hợp đồng

mà chỉ gọi tôi lên để ký vào bảng năng suất, sản lượng cà phê hết chu kỳ giao tiếp 05 năm ngày 27/01/2015, Công ty nói tôi ký để giảm năng suất sản lượng.

- Đối với yêu cầu buộc tôi chấm dứt Hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên số 1120/2011/HĐ-KG và Hợp đồng số 1166/2011/HĐ-GK ngày 27/8/2011, trả lại nguyên trạng 02 vườn cà phê đã nhận khoán theo Hợp đồng (Diện tích cà phê 14.800m^2, diện tích bờ lô 2.149m^2): Tôi không đồng ý với yêu cầu này của công ty vì, tôi không vi phạm Hợp đồng đã ký kết, mặt khác tôi đã bỏ tiền mua 49% giá trị vườn cây từ năm 1998 và theo phương án khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên thì giá trị vườn cây khấu hao hàng năm được tính 6%/năm, đến năm 2018 thì giá trị vườn cây đã hết.

- Đối với yêu cầu buộc tôi phải bồi thường cho Công ty C toàn bộ thiệt hại do hành vi chặt phá cây muồng chắn gió và che bóng cho cây cà phê, tôi không đồng ý với yêu cầu này của Công ty vì: Tôi không chặt phá mà tôi đang thực hiện theo Quyết định số 06 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, rong tỉa bớt cành cây cho thông thoáng.

- Đối với yêu cầu buộc tôi phải nộp tiền thuê đất số tiền 7.087.931đ theo quy định (phần vốn góp 49%) về Công ty để công ty nộp cho Cục Thuế tỉnh Đắk Lắk theo quy định của luật đất đai: Đối với số tiền thuê đất này tôi chưa đóng là vì, giữa tôi và Công ty C có nhiều điều khoản trong Hợp đồng giao khoán chưa rõ ràng nên tôi chưa đóng số tiền thuê đất này cho Công ty.

Ngày 22/7/2021, tôi có nộp đơn phản tố đối với nguyên đơn Công ty Cổ phần cà phê Thắng Lợi với các nội dung:

1. Buộc Công ty C trả cho tôi tiền chi phí cho việc tưới nước cụ thể:

- Tiền thuê giếng tưới nước đối với diện tích 5000 m^2, diện tích bờ lô 726m^2, tại thửa đất số 5b tờ bản đồ số 06, thuộc đội 26-3 là 3.672.000 đồng.

- Tiền khấu hao kênh mương đối với diện tích 9800m^2, diện tích bờ lô 1423m^2, tại thửa đất số 46 tờ bản đồ số 06 thuộc đội 26-3 là 2.040.000 đồng.

Đối với yêu cầu này tôi căn cứ vào thực tế tưới nước cho vườn cây nhận khoán hàng năm.

2. Buộc Công ty C trả cho tôi tiền chi phí đầu tư và nhân công vượt quá số tiền lợi tức thu được từ vườn cây là 54.432.000 đồng, vì: Mức khoán quá cao so với năng suất của vườn cây đồng thời phía Công ty đã gian lận trong tính toán chi phí đầu tư và nhân công cho 01 ha cà phê là 13.529.760đ mà thực tế vào thời điểm đó chi phí nhân công cho 01 ha là 38.880.000đ. Mục đích của Công ty nhằm hạ giá đầu tư và tăng lợi nhuận thu được của vườn cây để đề ra mức giao khoán cao có lợi cho phía Công ty. Cụ thể: mỗi 1000m^2 Công ty gian lận 3.880.000đ.

Tổng cộng Công ty C phải trả cho tôi số tiền là 60.064.000đ (sáu mươi triệu không trăm sáu mươi tư nghìn đồng).

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 419/2021/DSST ngày 17/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã quyết định :

- Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều *388, 390, 392, 412, 414, 501, 502, 503, 506 của Bộ luật dân sự năm 2005; điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 7, 8, 9, 10, 12 của Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ; Thông tư số 102/2006/TT-BNN ngày 13 tháng 11 năm 2006 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ; Luật đất đai năm 2003.*

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty C:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty C:

- Buộc ông Đặng Xuân D phải trả cho Công ty C 7.184kg quả cà phê tươi (trong 2 niên vụ thu hoạch 2018-2019, 2019-2020); Giá trị tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 58.908.800 đồng.

- Hủy hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên số 1120/2011/HĐ-KG và Hợp đồng số 1166/2011/HĐ-GK, ngày 27/8/2011 đã ký kết giữa Công ty T (Nay là Công ty C) và ông Đặng Xuân D.

Ông Đặng Xuân D có nghĩa vụ trả lại diện tích đất nhận khoán theo hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên đã ký kết với Công ty T (Nay là Công ty C), cụ thể:

+ Hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên số 1120/2011/HĐ-KG, ngày 27/8/2011: Diện tích cà phê giao khoán 9800m^2, diện tích bờ lô 1423m^2, tại thửa đất số 46 tờ bản đồ số 06 thuộc đội 26/3, tại xã Hòa Đông, huyện Krông Pắc, có tứ cận:

Phía Bắc giáp lô ông Vũ Văn T.

Phía Nam giáp lô bà Nguyễn Thị Đ.

Phía Đông giáp lô ông Đậu Duy Đ1.

Phía Tây giáp lô ông Lê Văn B1.

+ Hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên số 1166/2011/HĐ-KG, ngày 27/8/2011: Diện tích cà phê giao khoán 5000m^2, diện

tích bờ lô 726m^2, tại thửa đất số 5b tờ bản đồ số 06 thuộc đội 26/3, tại xã Hòa Đông, huyện Krông Pắc, có tứ cận:

Phía Bắc giáp lô ông Trần Quốc T2.

Phía Nam giáp lô bà Hoàng Thị B2.

Phía Đông giáp lô ông Đậu Văn Q.

Phía Tây giáp lô ông Phạm Văn N.

Công ty cổ phần cà phê Thắng Lợi có trách nhiệm trả lại giá trị vườn cây trên đất phần 49% cho ông Đặng Xuân D cụ thể số tiền là: 167.365.748đ (Một trăm sáu mươi bảy triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn bảy trăm bốn mươi tám đồng).

- Buộc ông Đặng Xuân D bồi thường cho Công ty thiệt hại do hành vi chặt phá cây muồng chắn gió và che bóng cho cây cà phê số tiền là: 74.648.360đ (Bảy mươi tư triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn ba trăm sáu mươi đồng).

- Buộc ông Đặng Xuân D nộp tiền thuê đất cho Công ty số tiền là: 7.087.931đ (Bảy triệu không trăm tám mươi bảy nghìn chín trăm ba mươi mốt đồng).

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần cà phê Thắng Lợi số tiền là: 88.351.640đ (Tám mươi tám triệu ba trăm năm mươi mốt nghìn sáu trăm bốn mươi đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn giải quyết về án phí, tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/12/2021, bị đơn ông Đặng Xuân D kháng cáo với nội dung xem xét toàn bộ Bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là Công ty giữ nguyên đơn khởi kiện và bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo ; các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm :

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm, thư ký cũng như các đương sự đã tuân thủ đúng với qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá, lập luận, Kiểm sát viên đề ngị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Xuân D và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 419/2021/DSST ngày 17/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài

liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên vụ án được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

[2] Nội dung: Năm 2011 ông Đặng Xuân D với Công ty cổ phần cà phê Thắng Lợi, trước đây là Công ty, (gọi tắt Công ty) đã ký các hợp đồng giao khoán vườn cây cà phê số 1120/2011/HĐ-GK, số 1166/2011/HĐ-GK. Trong quá trình thực hiện hợp đồng giao khoán, bị đơn đã thực hiện nghĩa vụ chăm sóc vườn cây theo đúng quy định và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp sản phẩm theo Hợp đồng giao khoán, kể từ lúc ký kết cho đến hết niên vụ cà phê 2017-2018. Đến niên vụ 2018-2019 thì ông D không đóng sản lượng cà phê cho Công ty nữa. Nay Công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Đặng Xuân D phải trả cho Công ty cổ phần cà phê Thắng Lợi 7.184kg quả cà phê tươi (trong 2 niên vụ thu hoạch 2018-2019, 2019-2020); chấm dứt Hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên số 1120/2011/HĐ-KG và Hợp đồng số 1166/2011/HĐ-GK ngày 27/8/2011; trả lại nguyên trạng 02 vườn cà phê đã nhận khoán theo Hợp đồng (Diện tích cà phê 14.800m^2, diện tích bờ lô 2.149m^2); Buộc ông Đặng Xuân D phải bồi thường cho Công ty toàn bộ thiệt hại do hành vi chặt phá cây muồng chắn gió và che bóng cho cây cà phê, và phải nộp tiền thuê đất theo quy định (phần vốn góp 49%) về Công ty để Công ty nộp cho Cục Thuế tỉnh Đắk Lắk theo quy định của luật đất đai.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn ông Đặng Xuân D cho rằng: Năm 2019 thì Công ty chuyển sang hoạt động với là loại hình là Công ty, nhưng vẫn áp dụng mức khoán cũ của Công ty THHH là không đúng, ông là cổ đông của Công ty nhưng không được tham gia bàn bạc biểu quyết hoạt động kinh doanh của Công ty. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Bộ luật dân sự là không đúng mà phải áp dụng Luật doanh nghiệp thì mới phù hợp, nên đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy nội dung kháng cáo của Bị đơn là không có căn cứ. Bởi lẽ: Hai hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê giữa Công ty với ông D là hợp đồng dân sự, các bên ký kết là hoàn toàn tự nguyện, về hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự. Các bên có đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện giao kết hợp đồng, đồng thời đã thực hiện hợp đồng liên tục trong nhiều năm nay. Việc Công ty thay đổi loại hình doanh nghiệp không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng dân sự đã ký kết trước đây, ngoài ra quá trình cấp sơ thẩm ông D cũng thừa nhận ông ký 02 hợp đồng khoán gọn vườn cây với Công ty từ năm 2011 và ông vẫn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo hợp

đồng đã ký kết, cho đến niên vụ 2018-2019 và 2019-2020 do ảnh hưởng thời tiết, mất mùa nên không có sản lượng cà phê để nộp cho Công ty, ông cũng như những người nhận khoán khác đã có ý kiến xin giảm sản lượng và giám định lại để điều chỉnh hợp đồng giao khoán, nhưng chưa được Công ty chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ Bộ luật dân sự để giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn cho rằng do thời tiết bất thường, cây cà phê già cỗi làm ảnh hưởng đến sản lượng vườn cây, chi phí đầu tư nhiều nhưng sản lượng quá thấp không đủ chi nên không thực hiện nghĩa vụ nộp sản cho Công ty. Tuy nhiên, nội dung của "Hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê" Công ty đã xem xét và quy định mức sản lượng cà phê phải thu hằng năm theo hướng giảm dần phụ thuộc vào năng suất, chất lượng và độ tuổi của cây cà phê. Mặt khác, sau khi nhận đơn kiến nghị của bị đơn, phía Công ty đã có phản ánh, kiến nghị đến chủ sử dụng đất là UBND tỉnh Đắk Lắk để đề nghị xem xét giải quyết. Tại Công văn số 502/UBND-NN&MT ngày 16/01/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk trả lời: "Việc Công ty T đề nghị giảm sản lượng giao nộp niên vụ cà phê 2018-2019 theo kiến nghị của các hộ dân là không có cơ sở xem xét giải quyết".

Do đó, căn cứ vào Điều 501 và 506 của Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 483, 488 Bộ luật dân sự năm 2015, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty, buộc bị đơn phải trả cho Công ty 7.184kg cà phê quả tươi còn nợ các niên vụ 2018 - 2019 và 2019-2020 là có căn cứ.

Công ty có yêu cầu bị đơn phải thanh toán sản lượng quy ra giá trị bằng tiền vì hiện nay, các hộ nhận khoán không có cà phê tươi để trả cho Công ty. Do đó buộc các bị đơn phải thanh toán sản lượng quy ra giá trị bằng tiền (giá cà phê tươi tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 8.200 đồng/ký), cụ thể: bị đơn còn nợ 7.184kg cà phê quả tươi x 8.200 đồng = 58.908.800 đồng là phù hợp.

Xét việc ông D cho rằng do cây muồng đen trồng đã lâu nên sợ cây muồng cao sẽ bị gãy đổ nguy hại đến tính mạng con người khi chăm sóc vườn cây nên ông Dương đã rong, tỉa cành cây muồng trên vườn cây nhận giao khoán.

Tuy nhiên, tại khoản 1 Điều 6 của Hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê quy định về điều khoản cam kết chung thì *"Công ty thống nhất quản lý cây muồng đen hiện có trên lô cà phê giao khoán, nếu vì lý do quá dày rợp, già cỗi phải cắt tỉa hoặc khi vườn cây thanh lý thì công ty sẽ tổ chức kiểm kê, lập thủ tục bán theo phương thức đấu thầu…"*. Như vậy, việc ông D tự ý rong, tỉa cành đối với cây muồng đen trên diện tích đất nhận khoán là vi phạm hợp đồng đã ký kết.

Do quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn ngăn cản, không hợp tác để Tòa án thẩm định, định giá. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào số lượng thiệt hại do hành vi chặt phá cây muồng chắn gió và che bóng cho cây cà phê theo kết

quả định giá ngày 08/6/2021 đối với 53 cây muồng đen trồng năm 1990 có giá 57.494.000 đồng; 64 cây muồng đen trồng năm 1994 có giá 67.456.000 đồng mà Công ty cung cấp là có cơ sở.

Tại khoản 1 Điều 6 của hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê và tại mục 7.2.1.2 của Phương án khoán gọn vườn cây cà phê quy định:

- Đối với cây muồng đen trồng trên lô cà phê từ năm 1993 trở về sau này khi cắt tỉa hoặc thanh lý thì phân chia theo tỷ lệ 51%-49%, nên đối với 64 cây muồng đen trồng năm 1994 có giá 67.456.000 đồng thì chia theo tỷ lệ 51%-49%, buộc ông D phải bồi thường cho Công ty phần 51% là: 34.402.560 đồng.

- Đối với cây muồng đen trồng trên lô cà phê từ năm 1992 trở về trước khi cắt tỉa hoặc thanh lý thì phân chia theo tỷ lệ 70%-30%. Như vậy, đối với 53 cây muồng đen trồng năm 1990 có giá 57.494.000 đồng thì chia theo tỷ lệ 70%-30%, buộc ông D phải bồi thường cho Công ty phần 70% là: 40.245.800 đồng.

Như vậy, cấp sơ thẩm đã buộc ông Đặng Xuân D bồi thường cho Công ty thiệt hại do hành vi chặt phá cây muồng chắn gió và che bóng cho cây cà phê tổng cộng là: 74.648.360 đồng là có căn cứ.

- Đối với tiền thuê đất theo quy định phần vốn góp 49%, là phù hợp, Vì tại điểm g khoản 2 Điều 3 của Hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường quy định về nghĩa vụ của bên B thể hiện: *"Nộp tiền thuê đất, thuế đất nông nghiệp cho nhà nước, theo tỷ lệ 51-49%, phần bên B 49% nộp vào tháng 11 trong năm thông qua bên A*", nên việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải trả cho Công ty số tiền thuê đất từ năm 2016 đến năm 2019 là 7.087.931 đồng.

- Đối với việc chấm dứt các hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê, thì thấy:

Tại điểm f khoản 1 Điều 2 của các hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên đã ký kết giữa Công ty và các bị đơn đã quy định rõ về quyền và nghĩa vụ của bên A (Công ty T) thì bên A (Công ty) có quyền *"Hủy bỏ hợp đồng giao khoán, thu hồi diện tích giao khoán khi bên nhận khoán vi phạm hợp đồng hoặc sử dụng đất vườn cây sai mục đích…"* và tại khoản 5 Điều 6 của hợp đồng giao khoán quy định về điều khoản cam kết chung thì "*Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bên B không hoàn thành chỉ tiêu giao nộp sản phẩm cà phê theo định mức hàng năm, thì bên A có quyền áp dụng các biện pháp cần thiết để thu hồi nợ và đơn phương chấm dứt hợp đồng giao khoán, thu hồi vườn cây cà phê giao khoán, tiến hành giao cho người khác hợp đồng"*.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê bị đơn đã vi phạm hợp đồng trong việc giao nộp sản phẩm trong các niên vụ 2018-2019 và niên vụ 2019-2020, vi phạm việc trả tiền thuê đất hằng năm nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hủy hợp đồng là chưa đúng, bởi lẽ: Hợp đồng mà các bên tự nguyện ký kết

có nội dung, hình thức phù hợp với Bộ luật dân sự và đã được thực hiện liên tục nhiều năm. Nay ông D vi phạm nghĩa vụ, phía Công ty yêu cầu đơn phương chấm dứt hợp đồng là có cơ sở, thì Tòa án phải căn cứ Điều 510 và Điều 511 Bộ luật dân sự 2005 để tuyên bố chấm dứt hợp đồng mới phù hợp. Vì vậy, cấp phúc thẩm cần phải sửa nội dung này, việc sửa nội dung này không làm ảnh hưởng đến bản chất và hậu quả pháp lý đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, tuy nhiên cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

- Hậu quả của hợp đồng giao khoán vườn cây : Theo quy định tại Điều 1 của hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên đã ký kết giữa Công ty T và hộ nhận khoán thì *"Phần giá trị vườn cây trên đất Công ty góp 51%, chủ hộ góp 49%"*. Mặt khác trong hợp đồng thuê khoán giữa hộ dân, hai bên không thỏa thuận về mức độ khấu hao của tài sản. Như vậy, khi chấm dứt hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê thì Công ty phải có nghĩa vụ trả lại phần 49% giá trị vườn cây cho bị đơn là phù hợp, cụ thể trả cho ông Đặng Xuân D: 341.562.750 đồng x 49% = 167.365.748 đồng.

- Tiền khấu hao kênh mương trong 7 năm từ năm 2011-2017 là: 0,98 ha x 500.000 đồng x 51% x 7 năm = 1.749.300 đồng là có cơ sở. Bởi lẽ: Trong khoảng thời gian này bị đơn ông D phải đóng toàn bộ số tiền này, nên cần buộc nguyên đơn Công ty phải trả lại cho bị đơn phần 51% là hợp lý.

- Tiền thuê giếng tưới nước là không có căn cứ vì: Theo thỏa thuận tại Điều 1, 2 của Hợp đồng khoán gọn thì hàng năm Công ty đã mở nước theo hệ thống mương của công ty để phục vụ cho các hộ nhận khoán trong việc tưới tiêu, việc các bị đơn không tưới nước từ hệ thống kênh mương của Công ty mà tự thuê giếng tưới là do lỗi của các bị đơn.

- Việc bị đơn cho rằng số tiền chi phí bỏ ra đầu tư và nhân công vượt quá số tiền hoa lợi thu được từ vườn cây và yêu cầu Công ty trả lại tiền gian lận trong tính toán chi phí nhân công, thì thấy rằng:

Theo phương án khoán gọn vườn cây của Công ty lập đã được UBND tỉnh Đắk Lắk phê duyệt theo Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 08/6/2011 là phù hợp với các Điều 7, 8, 9, 10, 12 *của Nghị định 135/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ và Thông tư số 102/2006/TT-BNN ngày 13 tháng 6 năm 2006 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn; c*hi phí nhân công theo phương án khoán gọn tại thời điểm ký hợp đồng là 13.529.760 đồng/ha. Do đó, việc bị đơn cho rằng chi phí nhân công cho 01ha/1 năm là 38.880.000 đồng là không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Từ những phân tích nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu kháng cáo bị đơn là không có căn cứ để chấp nhận, nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[5] Về án phí:

[5.1] Án phí dân sự dân sự sơ thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo của bị đơn nên án phí dân sự sơ thẩm giữ nguyên theo Bản án sơ thẩm.

[5.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Do có sửa nội dung "hủy hợp đồng" thành "chấm dứt hợp đồng" như đã nhận định phần trên, nên bị đơn kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Xuân D; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 419/2021/DS-ST ngày 17/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử:

1. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty C:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty C:

- Buộc ông Đặng Xuân Dphải trả cho Công ty C 7.184kg quả cà phê tươi (trong 2 niên vụ thu hoạch 2018-2019, 2019-2020); Giá trị tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 58.908.800 đồng.

- Chấm dứt thực hiện hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên số 1120/2011/HĐ-KG và Hợp đồng số 1166/2011/HĐ-GK, ngày 27/8/2011 đã ký kết giữa Công ty T (Nay là Công ty C) và ông Đặng Xuân D.

Ông Đặng Xuân D có nghĩa vụ trả lại diện tích đất nhận khoán theo hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên đã ký kết với Công ty T (Nay là Công ty C), cụ thể:

+ Hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên số 1120/2011/HĐ-KG, ngày 27/8/2011: Diện tích cà phê giao khoán 9800m^2, diện tích bờ lô 1423m^2, tại thửa đất số 46 tờ bản đồ số 06 thuộc đội 26/3, tại xã H, huyện K, có tứ cận:

Phía Bắc giáp lô ông Vũ Văn T1.

Phía Nam giáp lô bà Nguyễn Thị Đ.

Phía Đông giáp lô ông Đậu Duy Đ1.

Phía Tây giáp lô ông Lê Văn B.

+ Hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên số 1166/2011/HĐ-KG, ngày 27/8/2011: Diện tích cà phê giao khoán 5000m^2, diện tích bờ lô 726m^2, tại thửa đất số 5b tờ bản đồ số 06 thuộc đội 26/3, tại xã H, huyện K, có tứ cận:

Phía Bắc giáp lô ông Trần Quốc T2.

Phía Nam giáp lô bà Hoàng Thị B2.

Phía Đông giáp lô ông Đậu Văn Q.

Phía Tây giáp lô ông Phạm Văn N.

Công ty C có trách nhiệm trả lại giá trị vườn cây trên đất phần 49% cho ông Đặng Xuân D cụ thể số tiền là: 167.365.748đ (Một trăm sáu mươi bảy triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn bảy trăm bốn mươi tám đồng).

- Buộc ông Đặng Xuân D bồi thường cho Công ty C thiệt hại do hành vi chặt phá cây muồng chắn gió và che bóng cho cây cà phê số tiền là: 74.648.360đ (*Bảy mươi tư triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn ba trăm sáu mươi đồng*).

- Buộc ông Đặng Xuân D nộp tiền thuê đất cho Công ty cổ phần cà phê Thắng Lợi số tiền là: 7.087.931đ (*Bảy triệu không trăm tám mươi bảy nghìn chín trăm ba mươi mốt đồng*).

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty C số tiền là: 88.351.640đ (*Tám mươi tám triệu ba trăm năm mươi mốt nghìn sáu trăm bốn mươi đồng*).

2. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn ông Đặng Xuân Dương:

- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Đặng Xuân D: Buộc Công ty trả tiền khấu hao kênh mương đối với diện tích 9800m^2, diện tích bờ lô 1423m^2, tại thửa đất số 46 tờ bản đồ số 06 thuộc đội 26-3 trong 07 năm số tiền là 1.749.300đ (*Một triệu bảy trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm đồng*).

- Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Đặng Xuân D về việc buộc Công ty C trả số tiền là 57.679.700đ (*Năm mươi bảy triệu sáu trăm bảy mươi chín nghìn bảy trăm đồng*).

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Đặng Xuân D với số tiền 635.000đ (*Sáu trăm ba mươi lăm nghìn đồng*).

3. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Đặng Xuân D phải trả cho Công ty cổ phần cà phê Thắng Lợi 11.000.000đ (*Mười một triệu đồng*) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

- *Án phí dân sự sơ thẩm:* - Ông Đặng Xuân D phải chịu 10.516.239 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 1.501.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 60AA/2021/0006474 ngày 22/7/2021 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc. Ông Đặng Xuân D còn phải chịu 9.015.239đ (Chín triệu không trăm mười lăm nghìn hai trăm ba mươi chín đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn Công ty C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 9.375.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp. Công ty Cđược nhận lại số tiền 9.075.000đ (Chín triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí còn lại tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện K theo biên lai thu số AA/2019/0007193 ngày 17/01/2020.

- *Án phí dân sự phúc thẩm:* Ông Đặng Xuân D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trả lại cho ông D số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc theo biên lai thu số 0006720 ngày 13/12/2021.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Pắc;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện K;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Kim Khánh